

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HC-ST
Ngày: 15 - 9 - 2022
V/v “*Khiếu kiện Quyết định
hành chính về việc hủy QĐ thu
hồi đất và hủy giấy CN QSDĐ*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Lầu ;
Bà Phạm Ngọc Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Uyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Diên, Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 12/2021/TLST-HC, ngày 26 tháng 4 năm 2021, về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về việc hủy quyết định thu hồi đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HC ngày 23/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HC ngày 14/4/2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2022/QĐST-HC ngày 13/5/2022; Quyết định tạm đình chỉ số 01/2022 ngày 14/6/2022; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án hành chính số 44/2022 ngày 05/7/2022; Thông báo mở lại phiên tòa số 834/TB-TA ngày 05/7/2022; Thông báo bổ sung người kế thừa tố tụng số 1285/TB-TA ngày 23/8/2022; Thông báo mở lại phiên tòa số 1286/TB-TA ngày 24/8/2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông **Võ Văn T**, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Số X khu phố C đường TL, phường Thạnh L, quận M, thành phố H. (Theo giấy chứng tử đã chết ngày 16/6/2022).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Võ Văn T:

1/ Bà Võ Thị Thu T, sinh năm 19xx

Địa chỉ: Số X khu phố C, phường Thạnh L, quận M, thành phố H.

2/ Ông Võ Hoàng S, sinh năm 19xx

Địa chỉ: Số X đường L, phường B, quận G, thành phố H.

3/ Bà Võ Thị Thu H, sinh năm 19xx

Địa chỉ: Số X đường L, phường B, quận G, thành phố H.

4/ Bà Võ Thị Thu H1, sinh năm 19xx

Địa chỉ: Số x đường N, phường B, quận N, thành phố H.

5/ Ông Võ Hoàng H, sinh năm 19xx

Địa chỉ: Số X khu phố C, phường Thạnh L, quận M, thành phố H.

6/ Bà Võ Thị Vân A, sinh năm 19xx

Địa chỉ: Số x Khu phố B, Quốc lộ, phường A, quận M, thành phố H.

* Người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Võ Văn T: Ông **Trần Văn C**, sinh năm 19xx. Địa chỉ số x đường T, phường M, quận G, thành phố H. (có mặt)

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân huyện K. (Vắng mặt)

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông **Lê Hoàng P**, Phó chủ tịch ủy ban nhân dân huyện K. (có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông **Lê Hoàng H**, Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 6 đường Đ, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Trần Thị T**, sinh năm: 19xx. Địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 19XX và ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 19XX. Cùng địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Bà **Lê Thị E**, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3. Ủy ban nhân dân xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ: ấp An Hoà, Xã A, Huyện K, Sóc Trăng. (có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 19/3/2021 của người khởi kiện ông Võ Văn T và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày như sau:

Ông Võ Văn T và vợ là bà Diệp Thị T (chết năm 2015) là người có quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 916, 923 tờ bản đồ số 02 (trước đây là thửa số 452, tờ bản đồ số 01), tọa lạc ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Vợ chồng ông Võ Văn T cùng các con lớn trong gia đình đã canh tác trên các thửa đất này từ trước năm 1975 đến năm 1990 thì được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất số **127/GCN/RĐ ngày 15/02/1990** (BL 15). Gia đình ông Võ Văn T vẫn tiếp tục canh tác đến năm 1992 thì đi thành phố Hồ Chí Minh chữa bệnh cho vợ. Sau khi vợ ông T mất (mất ngày 19-10-2015) thì ông T về quê mới biết gia đình bà Trần Thị T đang canh tác trên các thửa đất số 916, 923, tờ bản đồ số 02 (trước đây là thửa số 452, tờ bản đồ số 1) tại ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông T.

Sau nhiều lần liên hệ không được, ngày 27/8/2020 ông T đã nộp đơn đề nghị giải quyết tại UBND xã A để yêu cầu bà Trần Thị T trả lại quyền sử dụng đất nêu trên. Theo xác minh của UBND xã A, ông T được biết năm 1993 bà Trần Thị T đã lấn chiếm, sử dụng, tự ý làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B674685 đối với thửa đất số 923; còn thửa đất số 916 cũng bị bà Lê Thị E đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B738335.

Năm 1997, bà Lê Thị E đã giao lại thửa đất số 916 tờ bản đồ số 02 tại ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng nêu trên cho bà Trần Thị T theo Quyết định số 402/QĐ.UBH.97 ngày 25/10/1997 của Chủ tịch UBND huyện K (BL 19).

Tại biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 20/11/2020 của UBND xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị T là ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Thanh H không đồng ý hòa giải và yêu cầu chuyển hồ sơ đến Tòa án để giải quyết.

Ông Võ Văn T cho rằng ông đã được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất số 127/GCN/RĐ ngày 15/02/1990 đối với các thửa đất số 916, 923 tờ bản đồ số 02 (trước đây là thửa số 452, tờ bản đồ số 01) tọa lạc ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Cho đến nay, ông Võ Văn T chưa bị thu hồi đất theo quyết định thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền, nhưng UBND huyện K lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất trên cho bà Trần Thị T và bà Lê Thị E là hoàn toàn trái với quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ Văn T.

Nay ông Võ Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B674685 do UBND huyện K cấp cho bà Trần Thị T đối với thửa đất 923, tờ bản đồ số 02 (trước đây là thửa số 452, tờ bản đồ số 1), diện tích: 1.300m² tọa lạc ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng ;

2/ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B738335 do UBND huyện K cấp cho bà Lê Thị E đối với thửa đất 916, tờ bản đồ số 02 (trước đây là thửa số 452, bản đồ số 1), diện tích: 2.600m² tọa lạc ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng;

3/ Hủy Quyết định số 402/QĐ.UBH97 ngày 25/10/1997 của Chủ tịch UBND huyện K về việc giao lại quyền sử dụng đối với thửa đất 916, tờ bản đồ số 02 (trước đây là thửa số 452, tờ bản đồ số 1), diện tích: 2.600m² tọa lạc ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng từ bà Lê Thị E sang cho bà Trần Thị T.

Tại phiên tòa ngày 13/5/2022, người khởi kiện có yêu cầu xin rút lại yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B738335 do UBND huyện K cấp cho bà Lê Thị E đối với thửa đất 916, tờ bản đồ số 02 (trước đây là thửa số 452, bản đồ số 1), diện tích: 2.600m² tọa lạc ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng ; lý do rút yêu cầu là UBND huyện K đã có Quyết định số 363/QĐ.UBH.97 ngày 07/10/1997 về việc thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Lê Thị E nêu trên.

Tại Văn bản số 304/UBND-VP ngày 20/7/2021 của người bị kiện UBND huyện K có ý kiến như sau:

Qua kiểm tra, trích lục hồ sơ giải quyết tranh chấp đất đai vào năm 1997 thể hiện như sau:

- Nguồn gốc đất trước năm 1975 là của bà Trần Thị T, có diện tích khoảng 21.000 m² đất ruộng tọa lạc ấp P, xã A, huyện K. Bà T cùng gia đình trực tiếp quản lý và sử dụng đến năm 1978, lúc này Đảng và Nhà nước có chủ trương cải tạo nông nghiệp (nghĩa là người đầu đất đỏ) lúc này gia đình hộ khẩu của bà Trần Thị T thường trú tại ấp Phong Phú, xã Phong Năm, huyện K. Từ đó, chính quyền địa phương thực hiện chủ trương cắt xâm canh toàn bộ phần đất của bà Trần Thị T, cấp lại cho những hộ gia đình chính sách kể cả hộ không có đất và thiếu đất sản xuất.

- Phần đất của bà Trần Thị T sau khi chính quyền cắt xâm canh đã cấp lại cho một số hộ như sau: Ông Lê Thanh X, diện tích 1.800m²; Bà Hoàng Thị Cẩm K, diện tích 2.000 m²; Ông Phạm Văn H, diện tích 2.000 m²; Ông Nguyễn Hồng K, diện tích 3.000 m²; Ông Võ Văn T (Võ Hoàng T), diện tích khoảng 2.000 m²; Ông Trần Văn Đ và một số hộ khác... mỗi hộ khoảng từ 2.000 - 3.000m².

- Sau khi hộ ông Võ Văn T được cấp đất chỉ canh tác được 01 - 02 vụ thì ông T cho bà Hoàng Thị Cẩm K thuê, đến khoảng năm 1990 thì gia đình bà đến lấy lại sản xuất đến ngày 26/6/1993 bà T có đơn đăng ký quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số B 674685 và canh tác cho đến nay.

- Ông Nguyễn Hồng K được cấp và canh tác được 01- 02 vụ rồi chuyển nhượng cho bà Lê Thị E, bà E sản xuất đến ngày 26/6/1993 có đơn đăng ký quyền sử dụng đất và bà được Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 738335; đến năm 1996-1997 bà Trần Thị T có đơn khiếu nại đòi lại đất gốc mà bà đã bị cắt xâm canh.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K đã ban hành các Quyết định giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T, cụ thể như sau: Quyết định số 362/QĐ.UBH97, ngày 07/10/1997 về việc thu hồi hủy GCNQSD đất số B.647198, thửa 211, 555, 702, bản đồ số 2 của Ông Phạm Văn H; Quyết định số 363/QĐ.UBH.97, ngày 07/10/1997 về việc thu hồi hủy GCNQSD đất số B.738335, thửa 87,124,916, bản

đồ số 2 của bà Lê Thị E ; Quyết định số 364/QĐ.UBH.97, ngày 07/10/1997 về việc thu hồi hủy GCNQSD đất số B.674777, thửa 192, 554, 830, 954, bản đồ số 2 của bà Hoàng Thị Cẩm K.

- Đến ngày 26/10/1997 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành các Quyết định để điều chỉnh quyền sử dụng đất, gồm:

+ Quyết định số 401/QĐ.UBH.97, ngày 26/10/1997 về việc thu hồi diện tích 2.000m² đất của bà Hoàng Thị Cẩm Khóa để điều chỉnh giao quyền sử dụng cho bà Trần Thị T.

+ Quyết định số 402/QĐ.UBH.97 ngày 25/10/1997 về việc thu hồi diện tích 3.000m², tọa lạc ấp P, xã A, huyện K của bà Lê Thị E, điều chỉnh giao quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị T; bà T có bồi hoàn thành quả lao động và tiền sang bán trước đây với số vàng là 11 chỉ và bà E đã nhận đủ; Từ đó bà E giao đất cho bà Trần Thị T quản lý sử dụng cho đến nay.

+ Quyết định số 403/QĐ.UBH.97 ngày 26/10/1997 về việc thu hồi diện tích 2.000m² đất của ông Phạm Văn H để điều chỉnh giao quyền sử dụng cho bà Trần Thị T.

+ Lý do ban hành các Quyết định điều chỉnh quyền sử dụng đất nêu trên là do năm 1978, Ủy ban nhân dân xã cắt xâm canh cấp cho hộ B, nay điều chỉnh giao trả quyền sử dụng cho hộ gốc.

Từ những diễn biến về chính sách của nhà nước, nguồn gốc đất và quá trình giải quyết tranh chấp đất đai cho thấy các nội dung ông Võ Văn T khởi kiện yêu cầu giải quyết là không có cơ sở, bởi lẽ:

- Tại Quyết định số 402/QĐ.UBH.97 ngày 25/10/1997 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về việc giải quyết điều chỉnh giao trả quyền sử dụng đất cho hộ gốc (thửa đất số 916, tờ bản đồ 2, diện tích 3.000 m², tọa lạc ấp P, xã A, huyện K) là bà Trần Thị T;

- Việc bà Trần Thị T được Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 674685 vào năm 1993, từ đó bà canh tác cho đến nay là đúng chủ trương tại thời điểm được cấp.

- Đối với GCNQSD đất số B 738335 do bà Lê Thị E đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện cấp năm 1993, đến năm 1997 Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 363/QĐ.UBH97, ngày 07/10/1997 đã thu hồi hủy giấy CNQSD đất của bà Lê Thị E, do đó xét thấy việc ông Võ Văn T khởi kiện là không phù hợp. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bác đơn khiếu kiện của ông Võ Văn T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T, cũng như người đại diện theo ủy quyền của bà T đã trình bày như sau:

Bà T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T. Năm 1957, ông Nguyễn Ngọc T (mất năm 1972) là chồng của bà Trần Thị T đã mua lại từ ông Nguyễn Văn T phần đất ruộng, trong đó bao gồm thửa 923, 916 tờ bản đồ số 02 tọa lạc ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Khoảng năm 1990 UBND xã A giao lại

cho bà T quản lý sử dụng, đến năm 1993 bà T đăng ký quyền sử dụng đất thửa 923 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không nhớ ngày tháng năm), hiện nay Giấy chứng nhận này được bà T nộp về Ủy ban nhân dân xã A năm 2011 để làm thủ tục đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận mới theo quy định pháp. Tuy nhiên đến nay vẫn chưa nhận được Giấy chứng nhận mới. Đối với thửa số 916, tờ bản đồ số 02, diện tích 2600m² thuộc sở hữu của bà T từ năm 1957, năm 1984 UBND huyện K cấp cho bà E, đến năm 1997 thu hồi lại của bà E cấp cho bà T theo Quyết định số 402/QĐ.UBH97 ngày 25/10/1997 của Chủ tịch UBND huyện K.

Tại phiên tòa, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B738335 do UBND huyện K cấp cho bà Lê Thị E đối với thửa đất 916 nêu trên và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B674685 và Hủy Quyết định số 402/QĐ.UBH97 ngày 25/10/1997 của Chủ tịch UBND huyện K. Các đương sự không tự đối thoại được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến nhận xét Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B738335 do UBND huyện K cấp cho bà Lê Thị E đối với thửa đất 916 nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND xã A, bà Lê Thị E đều vắng mặt (riêng người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND xã A có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt). Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt những người có tên nêu trên theo thủ tục chung.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Người khởi kiện ông T yêu cầu: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B674685 do UBND huyện K cấp cho bà Trần Thị T đối với thửa đất 923, tờ bản đồ số 02 (trước đây là thửa số 452, tờ bản đồ số 1), diện tích: 1.300m² tọa lạc ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B738335 do UBND huyện K cấp cho bà Lê Thị E đối với thửa đất 916, tờ bản đồ số 02 (trước đây là thửa số 452, bản đồ số 1), diện tích: 2.600m² tọa lạc ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Hủy Quyết định số 402/QĐ.UBH97 ngày 25/10/1997 của Chủ tịch UBND huyện K về việc giao lại quyền sử dụng đối với thửa đất 916, tờ bản đồ số 02 (trước đây là thửa số 452, tờ

bản đồ số 1), diện tích: 2.600m² tọa lạc ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng từ bà Lê Thị E sang cho bà Trần Thị T.

[3] Xét thấy, việc xem xét, giải quyết vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 của Luật tổ tụng hành chính.

[4] Tại phiên tòa, người khởi kiện đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B738335 do UBND huyện K cấp cho bà Lê Thị E đối với thửa đất 916. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của người khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 173 của Luật tổ tụng hành chính. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của người khởi kiện.

[5] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 27/8/2020 ông T đã nộp đơn đề nghị giải quyết tại UBND xã A đề yêu cầu bà Trần Thị T trả lại quyền sử dụng đất tại thửa 916 và 923 nêu trên thì mới biết việc bà Trần Thị T và bà Lê Thị E đã được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993 đối với các thửa đất trên. Đến ngày 19/3/2021, ông T khởi kiện tại Tòa án yêu cầu hủy Giấy chứng nhận và Quyết định thu hồi đất nêu trên.

[6] Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015 quy định: Thời hiệu khởi kiện là một năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính. Như vậy, đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên là vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

[7] Xét về trình tự, thủ tục và thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do UBND huyện K cấp cho bà Trần Thị T tại thửa 923 nêu trên, thì thấy rằng: Vào ngày 26/6/1993, bà Trần Thị T có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất tại các thửa đất, trong đó có thửa đất 923 (BL 109). Năm 1993, bà T được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B674685 tại thửa 923, tờ bản đồ số 02 (trước đây là thửa số 452, tờ bản đồ số 1). Tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/5/2021 người đại diện theo ủy quyền của bà T đã trình bày: đối với giấy chứng nhận nêu trên đã được bà T nộp về UBND xã A vào năm 2011 để làm thủ tục đăng ký cấp đổi giấy chứng nhận mới, tuy nhiên đến nay vẫn chưa nhận được Giấy chứng nhận mới (BL 45, 46, 47).

[8] Như vậy, về trình tự, thủ tục và thẩm quyền cấp giấy chứng nhận nêu trên cho bà T là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 của Luật đất đai năm 1987 và Điều 12, 13 của Nghị định số 30/HĐBT ngày 23/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về việc hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 1987.

[9] Bên cạnh đó, ngày 26/6/1993 bà Lê Thị E cũng có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa 916 (BL 108), cho nên được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 916, tờ bản đồ 02 (trước đây là thửa số 452, tờ bản đồ số 1).

[10] Đến ngày 07/10/1997, Chủ tịch UBND huyện K ban hành Quyết định số 363/QĐ.UBH.97 về việc thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B.738335 của bà Lê Thị E, tại các thửa 87, 124, 916; lý do thu hồi: Phần đất hiện còn đang tranh chấp (BL 118). Tiếp đến ngày 25/10/1997, Chủ tịch UBND huyện K ban hành Quyết định số 402/1997.QĐ.UBH về việc thu hồi diện tích 3.000m² đất ruộng của bà Lê Thị E; lý do thu hồi: Năm 1978, UBND xã cắt xâm canh cấp cho hộ B, nay điều chỉnh giao trả quyền sử dụng đất cho hộ gốc (BL 115).

[11] Tuy nhiên, người khởi kiện ông Võ Văn T cho rằng từ năm 1975 ông được chính quyền địa phương cấp đất thuộc thửa 452, tờ bản đồ số 1 (nay là thửa 916, 923, tờ bản đồ số 02), gia đình ông canh tác ổn định và thực hiện nghĩa vụ thuế của người sử dụng đất theo quy định, cho nên đến ngày 15/02/1990 ông T được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất số 127/GCN/RĐ tại thửa số 452 (BL 15). Ông tiếp tục sử dụng đến năm 1992 thì ông đưa vợ lên thành phố Hồ Chí Minh để điều trị bệnh. Thời gian sau vợ ông mất, ông trở về quê thì biết được bà Trần Thị T đang canh tác phần đất nêu trên của ông. Đồng thời, ông T cho rằng việc UBND huyện K đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất số 127 nêu trên cho ông T và cho đến nay Giấy chứng nhận này vẫn chưa có quyết định thu hồi đất nào của cơ quan có thẩm quyền, nhưng UBND huyện K lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 923 cho bà Trần Thị T nằm trong thửa 452 của ông trước đây là hoàn toàn trái với quy định của pháp luật về đất đai.

[12] Thì thấy rằng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất số 127/GCN/RĐ tại thửa số 452, do UBND huyện K cấp cho ông Võ Văn T là phù hợp theo quy định điểm a khoản 4 Điều 13 của Luật đất đai năm 1987 và Điều 12, 13 của Nghị định số 30/HĐBT ngày 23/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về việc hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 1987.

[13] Qua đối chiếu tại Điều 14 quy định về những trường hợp Nhà nước thu hồi toàn bộ hoặc một phần đất đã giao sử dụng, cũng như tại Điều 15 về thẩm quyền thu hồi đất của Luật đất đai năm 1987.

[14] Do đó, để đảm bảo cho việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị T tại thửa 923 nêu trên đúng theo quy định của pháp luật về đất đai, thì UBND huyện K cần có Quyết định thu hồi đất đã cấp cho ông Võ Văn T tại giấy chứng nhận ruộng đất số 127 ngày 15/02/1990 nêu trên. Vì vậy, việc UBND huyện K đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị T tại thửa 923, mà chưa thu hồi đất tại thửa 452 đã cấp cho ông T là chưa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[15] Đối với Quyết định số 402 ngày 25/10/1997 của Chủ tịch UBND huyện K về việc thu hồi đất của bà Lê Thị E, như đã phân tích tại đoạn [9], [10], UBND huyện K đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà E tại thửa 916, nhưng sau đó ban hành Quyết định số 402 để thu hồi đất của bà E, với lý do thu hồi: Năm 1978, UBND xã cắt xâm canh cấp cho hộ B, nay điều chỉnh giao trả quyền sử dụng cho hộ gốc. Trong khi đó thửa 916, tờ bản đồ số 02 thuộc một phần thửa 452, tờ bản đồ số 1 đã được cấp cho ông T, mà chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan

có thẩm quyền, cho nên Quyết định số 402 nêu trên đã ban hành chưa đúng theo quy định của pháp luật.

[16] Ngoài ra, về thẩm quyền thu hồi đất được quy định tại Điều 28 của Luật Đất đai năm 1993: “*Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất nào thì có quyền thu hồi đất đó*”. Như vậy, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị E, tại thửa 916, do UBND huyện K cấp nhưng khi ban hành thu hồi đất thì do Chủ tịch UBND huyện K ban hành Quyết định số 402 về việc thu hồi đất của bà E là chưa phù hợp theo quy định nêu trên và sai về thẩm quyền.

[17] Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B674685 do UBND huyện K cấp cho bà Trần Thị T đối với thửa đất 923; Hủy Quyết định số 402/QĐ.UBH.97 ngày 25/10/1997 của Chủ tịch UBND huyện K là có cơ sở, cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[18] Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[19] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông Võ Văn T không phải chịu án phí sơ thẩm, người bị kiện UBND huyện K và Chủ tịch UBND huyện K phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Luật tố tụng hành chính và khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[20] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Người khởi kiện ông Võ Văn T không phải chịu, người bị kiện UBND huyện K và Chủ tịch UBND huyện K phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 358 của Luật tố tụng hành chính.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 157, 158; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194; khoản 1 Điều 348 và khoản 1 Điều 358 của Luật tố tụng hành chính;

Khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Võ Văn T, về việc yêu cầu:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B674685 do UBND huyện K cấp cho bà Trần Thị T đối với thửa đất 923, tờ bản đồ số 02 (trước đây là thửa số 452, tờ bản đồ số 1), diện tích: 1.300m² tọa lạc ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng;

- Hủy Quyết định số 402/QĐ.UBH.97 ngày 25/10/1997 của Chủ tịch UBND huyện K về việc giao lại quyền sử dụng đối với thửa đất 916, tờ bản đồ số 02 (trước đây thửa số 452, tờ bản đồ số 1), diện tích: 2.600m² tọa lạc ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng từ bà Lê Thị E sang cho bà Trần Thị T.

2/ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B738335 do UBND huyện K cấp cho bà Lê Thị E đối với thửa đất 916, tờ bản đồ số 02 (trước đây là thửa số 452, tờ bản đồ số 1), diện tích: 2.600m² tọa lạc ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Võ Văn T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Người bị kiện UBND huyện K và Chủ tịch UBND huyện K mỗi người phải chịu án phí 300.000 đồng.

4/ Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Tổng cộng 10.790.000 đồng. Ông Võ Văn T không phải chịu. Người bị kiện UBND huyện K và Chủ tịch UBND huyện K mỗi người phải chịu số tiền 5.395.000 đồng. Do ông T đã nộp tạm ứng số tiền 10.790.000 đồng, vì vậy hoàn trả số tiền 10.790.000 đồng cho ông T.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nêu trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- UBND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Dũ